TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2017
*"V/v tranh chấp Ly hôn***"**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mộng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Hữu Trực

2.Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thanh Huế, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/5/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2017/ TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2017/QĐXX-ST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim D; địa chỉ cư trú: Số nhà 19 đường N, phường TL, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2.Bị đơn: Ông Phan Bá A; địa chỉ cư trú: Số nhà 45 đường T, phường TL, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Lê Thị Kim D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Bá A nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 10/9/1994 tại Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình vợ chồng bà chung sống cùng nhau tại số nhà 45 đường T, thành phố Huế trong thời gian dài không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn, nguyên nhân là do bà và chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp cùng nhau trong cuộc sống, ông A không chia sẻ công việc nhà cùng bà, thường quát nạt, đánh đập và không tôn trọng bà, bà nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng quá bức bách, không tìm được hạnh phúc trong hôn nhân nhưng vì con còn nhỏ nên bà đã cố gắng chịu đựng. Năm 2015, vì không thể cam chịu mãi cuộc sống hôn nhân

không còn ý nghĩa, nên bà đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông A tại Tòa án, tuy nhiên, Tòa án đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà. Không thể kéo dài cuộc sống chung cùng chồng, bà đã về sống tại nhà mẹ ruột và ly thân với ông A cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa nên bà tha thiết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

*Về con chung**:*** Bà và ông A có 02 con chung là Phan Thành Đ, sinh năm 1995; Phan Thị Trà M, sinh ngày 17/11/1999. Bà yêu cầu giao con là Phan Thị Trà M, sinh ngày 17/11/1999 cho ông A trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà không cấp dưỡng tiền nuôi con; đối với Phan Thành Đ, sinh năm 1995 đã thành niên, nên bà không yêu cầu xem xét.

*Về tài sản chung của vợ chồng**:*** Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung của vợ chồng**:*** Bà và ông A không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Phán Bá A trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật như lời bà D trình bày, quá trình vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Ông thừa nhận trước đây ông có quát nạt và đánh vợ, tuy nhiên, thời gian khoảng 10 năm trở lại đây tình trạng mâu thuẫn đó không còn nữa; ông cho rằng hiện tại sức khỏe của bà D không tốt, thường xuyên đau đầu, mất ngủ và có biểu hiện của bệnh hoang tưởng, bất ổn về tâm lý, mê tín, cho rằng trong nhà có ma nên bà D không chịu ở cùng ông và các con, ông đã khuyên vợ đi thăm khám và điều trị nhưng bà không nghe theo. Năm 2015, bà D đã đơn phương yêu cầu ly hôn nhưng Tòa án đã bác đơn yêu cầu của bà, từ thời gian đó đó đến nay, bà D về nhà mẹ ruột để sinh sống, vợ chồng ông sống ly thân nhau đến nay. Ông cho rằng hiện tại ông vẫn còn tình cảm yêu thương vợ, muốn chăm sóc cho vợ những lúc ốm đau nên ông không chấp nhận ly hôn.

*Về con chung**:*** Ông và bà D có 02 con là Phan Thành Đ, sinh năm 1995; Phan Thị Trà M, sinh ngày 17/11/1999; nếu yêu cầu ly hôn của bà D được chấp nhận, thì ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Phan Thị Trà M đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà D cấp dưỡng tiền nuôi con; đối với Phan Thành Đ, sinh năm 1995 đã thành niên, nên ông không yêu cầu xem xét.

*Về tài sản chung của vợ chồng**:*** Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung của vợ chồng**:*** Ông và bà D không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Lê Thị Kim D được ly hôn với ông Phan Bá A; về con chung: Giao cháu M cho ông A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng

thành, phù hợp với nguyện vọng của cháu M; bà D không cấp dưỡng nuôi con; về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là bà Lê Thị Kim D và bị đơn là ông Phan Bá A thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Lê Thị Kim D và ông Phan Bá A là hợp pháp, đã được Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế chứng nhận kết hôn vào ngày 10/9/1994, đúng quy định pháp luật.

Xét lời khai của bà Lê Thị Kim D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình hôn nhân của bà và ông Ánh đã phát sinh mẫu thuẫn kéo dài mà nguyên nhân là do giữa bà D và ông A bất đồng về quan điểm, không hòa hợp cùng nhau trong cuộc sống. Là một người phụ nữ, bà D mong muốn được chồng trân trọng, yêu thương và cùng nhau san sẻ về nhiều vấn đề trong cuộc sống, nhưng thực tế hôn nhân của bà D và ông A đã không đạt được điều đó, đã có thời gian ông A không chia sẻ công việc nhà cùng bà dù bà đang chăm sóc con còn nhỏ, vô có đánh đập, quát nạt bà, từ những lý do đó, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không tôn trọng nhau. Năm 2015, bà D đã khởi kiện ly hôn ông A nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, bà D đã kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm với mong muốn được ly hôn, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà. Hiện tại, tình cảm bà D dành cho ông A không còn, hai bên đã sống ly thân, cuộc sống của ai người đó lo, không quan tâm gì đến nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng giữa bà D và ông A thực sự không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ pháp luật.

Xét lời khai của bị đơn là ông Phan Bá A trong suốt quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thời gian trước đây, ông A có đánh đập bà D vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường ngày, tuy nhiên, thời gian gần đây tình trạng xung đột đó đã chấm dứt. Tuy nhiên, từ năm 2015 đến nay ông và bà D đã sống ly thân, bà D né tránh không cho ông gặp mặt. Dù vậy, ông vẫn còn tình cảm yêu thương bà D, ông muốn quan tâm, chăm sóc cho bà D, nên ông không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ lúc ông A và bà D sống ly thân thì mỗi người đều tự lo cho cuộc sống của riêng mình, dù ông A có muốn chăm sóc cho bà D cũng không được vì bà D không cho ông gặp mặt, mọi sự chia sẻ, quan tâm của ông A đối với bà D chỉ là gián tiếp thông qua các con và chỉ từ một phía, không được sự chấp nhận của bà D. Như vậy, hạnh phúc vợ chồng giữa bà D và ông A hiện tại là không có.

Tại bản tự khai của anh Phan Thành Đ, con của bà D và ông A, cũng xác nhận trong thời gian cha và mẹ anh sống ly thân, mặc dù sức khỏe của mẹ anh không tốt

nhưng cha anh cũng không thể chăm sóc được gì cho mẹ anh, mẹ anh nhất quyết không nhận bất cứ thứ gì có liên quan đến cha anh, kể cả về mặt vật chất lẫn tinh thần. Anh Đ cho rằng, cuộc sống chung giữa cha và mẹ của anh là khó có thể hàn gắn đoàn tụ được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho mẹ anh được ly hôn.

Bà Ngô Thị Y, mẹ ruột của bà Lê Thị Kim D trình bày: Bà D và ông A đã sống ly thân từ năm 2015, không còn quan tâm đến nhau, thời gian bà D về sinh sống cùng nhà mẹ ruột thì ông A không đến thăm hỏi gì cả, bà đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà D ly hôn để bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ.

Ông Phan S, bà Phạm Thị S là cha mẹ ruột của ông A cùng cho rằng: Ông A và bà D đã sống ly thân, gia đình đã nhiều lần vun vén đoàn tụ nhưng bà D vẫn cương quyết ly hôn, ông bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố Huế, đại diện địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế hôn nhân giữa vợ chồng bà Lê Thị Kim D và ông Phan Bá A đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

Về con chung: Bà Lê Thị Kim D và ông Phan Bá A có hai con chung là Phan Thành Đ, sinh năm 1995; Phan Thị Trà M, sinh ngày 17/11/1999, hiện cả hai con đang ở cùng ông A. Anh Phan Thành Đ, sinh năm 1995 đã trưởng thành, ở với ai là quyền của anh Đ, Hội đồng xét xử không xét; cháu Phan Thị Trà M, sinh ngày 17/11/1999 có nguyện vọng được ở cùng ông A, phù hợp với yêu cầu của bà D cũng như ý kiến của ông A, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu M cho ông A trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là có cơ sở.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị Kim D và ông Phan Bá A không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Lê Thị Kim và ông Phan Bá A cùng xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí ly hôn: Buộc bà Lê Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà D đã nộp tại biên lai số AA/2013/002290 ngày 06/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử :

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim D.

Xử: Bà Lê Thị Kim D được ly hôn với ông Phan Bá A.

2.Về việc nuôi con: Giao cháu Phan Thị Trà M, sinh ngày 17/11/1999 cho ông Phan Bá A trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; bà Lê Thị Kim D không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4.Về án phí: Bà Lê Thị Kim D phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà D đã nộp tại biên lai số AA/2013/002290 ngày 06/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế, nên không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì ngươi được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-*TAND TT. Huế*;
-*VKSND TP. Huế;*
- *THADS TP. Huế*;
- *Nguyên đơn, bị đơn;*
- *UBND P. Tây Lộc ;*
- *Lưu dán;*
- *Lưu hồ sơ*.

(**Đã ký)**

Mai Thị Mộng Trinh